TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1539/**2025/DS-ST
Ngày: 23 – 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Bà Phan Thị Diệu Hoa

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 413/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 947/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 377/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP L1; Địa chỉ trụ sở: LPBank Tower, Số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1966; Địa chỉ liên lạc: Số A đường P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) (Văn bản uỷ quyền số 179/2025/QĐ-LPBank.PGDPN ngày 02/6/2025).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Hồng A, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số D đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP L1 do ông Phạm Văn L làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/11/2022, bà Nguyễn Hồng A có ký với Ngân hàng TMCP L1 (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/11/2022, mã khách hàng 06036812, loại thẻ Visa và JCB, hạn mức tín dụng là 120.000.000 đồng, thời hạn thẻ 36 tháng kể từ ngày 28/11/2022, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 28%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 05/12/2022, Ngân hàng đã bàn giao 01 thẻ JCB số thẻ 356587*****4157 và 01 thẻ Visa 479973*****6304 cho bà Nguyễn Hồng A.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 07/4/2023 bà Hồng A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu bà A thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 07/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP L1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà Nguyễn Hồng A phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ từ việc sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/11/2022, tạm tính đến ngày 23/9/2025, bà A còn nợ số tiền là 227.292.859 đồng, trong đó: nợ gốc là 108.209.748 đồng, nợ lãi quá hạn là 117.996.492 đồng, thuế và phí là 1.086.619 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng. Yêu cầu bà A thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Toà án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho bà Nguyễn Hồng A nhưng phía bị đơn không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện của nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP L1, buộc bà Nguyễn Hồng A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP L1 tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/9/2025 là 227.292.859 đồng, trong đó: nợ gốc là 108.209.748 đồng, nợ lãi quá hạn là 117.996.492 đồng, thuế và phí là 1.086.619 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu bà A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/9/2025 cho đến ngày trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu và tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét Đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025 của nguyên đơn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/11/2022; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP L1, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo căn cước công dân và địa chỉ bị đơn cung cấp trong Hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ của bị đơn tại số D đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện tại số D đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh không có bà Nguyễn Hồng A không thực tế cư trú.

Vì vậy, bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Từ những phân tích trên, Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do bà Nguyễn Hồng A vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà A.

Tòa án nhân dân quận Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà A không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ án, cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Bà A phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Hồng A phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2025 là 227.292.859 đồng, trong đó: nợ gốc là 108.209.748 đồng, nợ lãi quá hạn là 117.996.492 đồng, thuế và phí là 1.086.619 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/11/2022, Biên bản bàn giao thẻ ngày 05/12/2022 và lời khai của đại diện nguyên đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bà A đã vi phạm quy định của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; vi phạm Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách

hàng, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn và phạt vi phạm phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà A phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 23/9/2025 là 227.292.859 đồng, trong đó: nợ gốc là 108.209.748 đồng, nợ lãi quá hạn là 117.996.492 đồng, thuế và phí là 1.086.619 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà A trả số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà A trả số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng là 227.292.859 đồng, do đó án phí bà A phải chịu là 11.364.643 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 5.015.763 đồng theo Biên lai thu tiền số 0078471 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh).

[4] Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1:

Buộc bà Nguyễn Hồng A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền còn nợ của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/11/2022 tính đến ngày 23/9/2025 là 227.292.859 đồng (hai trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc là 108.209.748 đồng, nợ lãi quá hạn là 117.996.492 đồng, thuế và phí là 1.086.619 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Hồng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.364.643 đồng (mười một triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L1 toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 5.015.763 đồng (năm triệu, không trăm mười lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi ba đồng) theo Biên lai thu tiền số 0078471 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9, TP. HCM;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hương